

Số: **165/2021/QĐST-HNGĐ**

Tân phú, ngày 16 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1134/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Thạch Thị Na R., sinh năm 1988; địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Ông Nguyễn Minh D., sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp X2, xã Y2, huyện Z2, tỉnh Long An;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Na R. và ông Nguyễn Minh D. tự nguyện chung sống vào năm 2014, đã tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Trà Vinh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 74/2014, quyển số 01/2013, ngày 24/5/2014.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã về chi tiêu, cách chăm sóc con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cả hai đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ năm 2016 đến nay. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó bà Thạch Thị Na R. và ông Nguyễn Minh D. yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Na R. và ông D. có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Minh T., sinh ngày 15/5/2015. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận: Bà Thạch Thị Na R. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh T., sinh ngày 15/5/2015. Ông D

không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Bà Na R. và ông D. cùng xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Bà Na R. và ông D. cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Na R. và ông Nguyễn Minh D. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của bà Thạch Thị Na R và ông Nguyễn Minh D., theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 74/2014, quyền số 01/2013, ngày 24/5/2014 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y, tỉnh Trà Vinh chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Bà Na R. và ông D. có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Minh T., sinh ngày 15/5/2015. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận: Bà Thạch Thị Na R. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 15/5/2015. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với ông Nguyễn Minh D. do bà Thạch Thị Na R. không yêu cầu.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng nuôi con chung.

1.3. Về tài sản chung: Bà Na R. và ông D. cùng xác nhận không có tài sản chung.

1.4. Về các vấn đề khác: Bà Na R. và ông D. cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Na R và ông Dương cùng phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà Na R. và ông D. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0071556 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Na R. và ông D. đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài